

Hoà Bình, ngày 04 tháng 6 năm 2015

Số: **1095**/LN-NV-TC-BTCTU-BHXH
V/v triển khai thực hiện Nghị định
số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015
của Chính phủ

Kính gửi: - Các cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Huyện uỷ, Thành uỷ và
Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Ngày 09/3/2015 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2015/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 35-HD/BTCTW ngày 24/4/2015 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, ngày 09/3/2015 của Chính phủ. Để thống nhất việc triển khai thực hiện chung trên địa bàn toàn tỉnh, liên ngành Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện như sau:

I. Quy định chung:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ được thực hiện kể từ ngày 01/5/2015 và chỉ áp dụng đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội bao gồm các đối tượng:

a) Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, ở cấp huyện, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Cán bộ cấp xã không đủ tuổi tái cử giữ các chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

2. Đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử nêu trên nhưng đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thời gian công tác chỉ còn từ 06 tháng trở xuống tính từ ngày bắt

đầu tổ chức đại hội đảng bộ cùng cấp đến thời điểm nghỉ hưu, không thuộc đối tượng hưởng chế độ theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

3. Tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ thực hiện theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền (đối với khối Đảng thực hiện theo khoản 2 hướng dẫn số 35-HD/BTCTW ngày 24/4/2015 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 26/2015/NĐ-CP).

4. Cán bộ thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này.

5. Cán bộ cấp xã công tác tại nơi có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên; cán bộ cấp xã có thời gian tham gia quân đội, công an và được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương các loại nếu còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 2,5 năm (30 tháng) trở xuống mới đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để thực hiện chế độ hưu trí.

6. Cán bộ cấp xã có thời gian đóng Bảo hiểm xã hội chưa đủ 20 năm thì thực hiện theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

II. Chế độ chính sách đối với cán bộ.

1. Chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm, nghỉ hưu trước tuổi.

a) Cán bộ thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, mục I nêu trên có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, kể từ ngày thôi giữ chức vụ bầu cử, phê chuẩn hoặc bổ nhiệm tính đến thời điểm nghỉ hưu còn từ trên 07 tháng (tính tròn tháng) so với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 luật Bảo hiểm xã hội, nếu có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi gửi cơ quan quản lý cán bộ thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng thêm các chế độ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1, Điều 3 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Tiền lương tháng để tính trợ cấp được xác định bằng bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu, bao gồm: mức lương chức vụ hoặc mức lương theo ngạch, bậc; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng (nếu có).

c) Thời gian công tác tính hưởng trợ cấp là thời gian làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định và chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ phục viên.

d) Khi tính trợ cấp nếu thời gian nghỉ hưu trước tuổi hoặc thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lẻ thì được tính như sau:

- Dưới 03 tháng thì không tính;
- Từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng thì được tính bằng 1/2 năm;
- Từ trên 06 tháng đến 12 tháng thì được tính bằng một năm.

2. Chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm tiếp tục công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

a) Cán bộ thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, mục I nêu trên chưa đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định, nếu không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì cơ quan có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp. Trường hợp không thể bố trí được công tác phù hợp thì được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo quy định tại khoản 3 mục II hướng dẫn này.

b) Trường hợp vị trí công tác mới không quy định mức lương chức vụ, phụ cấp chức vụ (không phải là chức danh lãnh đạo) hoặc có mức lương chức vụ, phụ cấp chức vụ thấp hơn mức lương chức vụ, phụ cấp chức vụ đã được hưởng thì thực hiện bảo lưu mức lương chức vụ, phụ cấp chức vụ đã được hưởng trong 06 tháng; từ tháng thứ 07 trở đi hưởng mức lương chức vụ hoặc phụ cấp chức vụ (nếu có) của vị trí công tác mới.

3. Chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu.

Cán bộ thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, mục I nêu trên còn dưới 02 năm (dưới 24 tháng) công tác mới đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, nếu không bố trí được công tác mới thích hợp và không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu. Trong thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu vẫn thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nơi công tác và được thực hiện chế độ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 5 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ.

4. Nguồn kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ do ngân sách nhà nước cấp.

III. Tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ và hướng dẫn của liên ngành, đề nghị các cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện như sau:

a) Phổ biến công khai chế độ chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ chức danh theo nhiệm kỳ theo đúng tinh thần Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ đến cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình;

b) Đối với cán bộ được áp dụng chế độ, chính sách theo Điều 4, Điều 5 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ, lập danh sách (mẫu số 1 gửi kèm theo) báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

c) Đối với cán bộ đề nghị nghỉ hưu trước tuổi theo Điều 2, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ, lập 02 bộ hồ sơ, gồm:

- Văn bản đề nghị, kèm theo danh sách và dự toán kinh phí (mẫu số 2 gửi kèm theo);
- Đơn xin nghỉ hưu trước tuổi (mẫu số 3 gửi kèm theo).
- Bản sao Sổ Bảo hiểm xã hội (có xác nhận tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi);
- Bản sao các quyết định lương của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ hưu trước tuổi.
- Bản sao các quyết định phê chuẩn, bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ có liên quan.

2. Hồ sơ được gửi về:

- a) Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với cán bộ thuộc khối Đảng, đoàn thể.
- b) Sở Nội vụ (Phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức Phi chính phủ) đối với cán bộ các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân, huyện, thành phố; (Phòng Xây dựng chính quyền) đối với cán bộ cấp xã để thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Kế hoạch triển khai thực hiện:

- a) Đối với các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Lập tờ trình, danh sách và dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng theo quy định gửi Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (trong quý 4/2015 sẽ thẩm định hồ sơ đợt 1 vào tháng 12/2015);

- Trước ngày 30/11 hàng năm, tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ gửi Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

- b) Đối với Sở Nội vụ và Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp danh sách trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính duyệt cấp kinh phí;

- Sau khi được phê duyệt trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định để giải quyết chế độ chính sách theo phân cấp:

- + Đối với cán bộ lãnh đạo khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện do Ban Tổ chức Tỉnh ủy trình Thường trực Tỉnh ủy quyết định.

- + Đối với cán bộ lãnh đạo khối quản lý nhà nước do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

- + Đối với cán bộ cấp xã, Sở Nội vụ thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định.

- Hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- c) Sở Tài chính:

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh thẩm định danh sách và kinh phí chi trả cho các đối tượng nghỉ hưu trước tuổi.

- Chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội tỉnh lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, tổng hợp dự toán báo cáo UBND tỉnh để gửi Bộ tài chính, Bộ Nội vụ giải quyết theo thẩm quyền.

- Hướng dẫn các cơ, quan đơn vị về quy trình lập dự toán, cấp phát, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện.

d) Bảo hiểm xã hội tỉnh:

Có trách nhiệm giải quyết chế độ BHXH đối với các đối tượng theo đúng qui định của pháp luật BHXH và hướng dẫn của BHXH Việt Nam. Chỉ đạo BHXH các huyện, thành phố giải quyết kịp thời những nội dung có liên quan về đóng BHXH và xác nhận chốt sổ BHXH đối với các đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, chờ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ.

Trên đây là hướng dẫn liên ngành thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan của Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện ủy, thành ủy, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố phản ánh kịp thời về liên ngành để cùng nghiên cứu, giải quyết./.

BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY



TRƯỞNG BAN

Hoàng Minh Tuấn

SỞ NỘI VỤ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Trọng

BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH



GIÁM ĐỐC

Lưu Việt Tĩnh

SỞ TÀI CHÍNH



GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Đức

Nơi nhận

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tài chính, BHXH tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc SNV;
- Phòng TCCB + Văn phòng SNV;
- Lưu: VT, XDCQ (60b).

09954253

Cơ quan chủ quản:
 Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc:

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI TIẾP TỤC CÔNG TÁC HOẶC NGHỈ CHỜ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU
 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP NGÀY 09/3/2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo công văn số ngày tháng năm 2015.....)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, đơn vị đang công tác	Thời gian bổ nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện hưởng		Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi chuyển công tác hoặc nghỉ chờ đủ tuổi để nghỉ hưu		Thời điểm đăng ký chuyển công tác hoặc nghỉ chờ đủ tuổi nghỉ hưu
						Hệ số	Thời điểm hưởng	Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tổng cộng												

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP NGÀY 09/3/2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm 2015 của.....)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Lương ngạch, bậc hiện hưởng		Hệ số phụ cấp chức vụ (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	% phụ cấp thâm niên VK (nếu có)	% phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)	Lương ngạch, bậc trước liền kề (05 năm cuối)					Số tiền tại các thời điểm lương đối thiếu chung (1000 đồng)	Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Tuổi khi giải quyết nghỉ hưu trước tuổi		Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí thực hiện khi giải quyết nghỉ hưu trước tuổi				Lý do nghỉ hưu trước tuổi
					Hệ số	Thời điểm hưởng					Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tháng hưởng				Lương tối thiểu	Số năm	Số tháng	Số năm		Số tháng	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Tổng cộng																												

Hướng dẫn: Bảng này do cơ quan trực tiếp quản lý, giải quyết chính sách cho cán bộ công chức lập định kỳ 6 tháng một lần.

- Các cột 6, 7, 8, 9 liệt kê quy đổi theo hệ số, thời điểm hưởng của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu.
- Cột 18 = Trung bình cộng của 60 tháng tiền lương thực lĩnh trước khi nghỉ hưu.
- Cột 24 = cột 25 + cột 26 + cột 27
- Cột 25 = cột 18 x số tháng được trợ cấp (tính theo tháng, năm nghỉ hưu trước tuổi)
- Cột 26 = cột 18 x 5 tháng.
- Cột 27 = ((cột 19 + cột 20) - 20 năm) x 1/2 x cột 18.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN NGUYỆN VỌNG NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI
*(Dùng cho cán bộ nghỉ hưu trước tuổi
theo nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ)*

Kính gửi: -.....
-.....

Tên tôi là:
Giới tính (nam/nữ):
Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Nơi sinh:
Số sổ BHXH:
Chức vụ, đơn vị công tác:
Nơi cư trú sau khi nghỉ hưu:
.....

Sau khi nghiên cứu Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản có liên quan, bản thân tôi nhận thấy bảo đảm đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có nguyện vọng được nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định này.

Lý do nghỉ hưu trước tuổi :
.....

Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi: ngày.....tháng.....năm.....
Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguyện vọng của mình. Kính mong quý cấp quan tâm xem xét, giải quyết.

Hoà Bình, ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)